

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lầu Thị Liên
2. Ông Khoàng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sùng Thị L, sinh năm 2000, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.
2. *Bị đơn:* Anh Vàng A T, sinh năm 1999, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Bản P 1, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên.
Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại C10 - Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sùng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị L và anh Vàng A T tự nguyện kết hôn ngày 19/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết

hôn do không hiểu biết pháp luật nên chị L và anh T đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 và hiện đã có 02 con chung. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T vi phạm pháp luật hình sự, bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên án tử hình. Hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên chờ thi hành án. Do anh T không thể chung sống, quan tâm chăm sóc gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Vàng Lam Ng, sinh ngày 10/01/2018 và Vàng Huyền A, sinh ngày 12/11/2020. Kể từ khi anh T bị tạm giam đến nay, cháu Vàng Lam Ng và cháu Vàng Huyền A do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L có thu nhập ổn định từ việc làm nông nghiệp và làm thuê, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Cháu Vàng Lam Ng đã trên 07 tuổi, cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (đơn trình bày nguyện vọng của cháu Vàng Lam Ng ngày 20/02/2025). Do anh T đang bị tạm giam nên không thể trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con nên chị L đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, anh Vàng A T có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí với lời khai của chị L về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm chung sống như vợ chồng. Kể từ khi kết hôn cho đến năm 2023 thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2024 anh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên chờ thi hành án. Nay chị L đề nghị giải quyết ly hôn, mặc dù anh T vẫn còn tình cảm với chị L nhưng anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh T công nhận vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên là Vàng Lam Ng, sinh ngày 10/01/2018 và Vàng Huyền A, sinh ngày 12/11/2020, hiện cả 02 con chung đang ở với chị L. Anh T nhất trí để chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên, có xác nhận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện N như sau: Chị L và anh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N ngày 19/8/2020. Trước khi kết hôn anh chị không hiểu biết pháp luật nên đã chung sống

với nhau như vợ chồng từ năm 2017 và hiện đã có 02 con chung chưa thành niên. Trong thời gian kết hôn, chị L và anh T chung sống hạnh phúc, hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến năm 2023 anh T vi phạm pháp luật hình sự, hiện đang bị tạm giam đã ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, hiện chị L một mình nuôi dưỡng 02 con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Sùng Thị L được ly hôn anh Vàng A T; giao 02 con chung là cháu Vàng Lam Ng, sinh ngày 10/01/2018 và Vàng Huyền A, sinh ngày 12/11/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chị Sùng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Sùng Thị L, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị L khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Vàng A T có nơi cư trú tại bản P 1, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, do anh T đang bị tạm giam tại Phân trại C10, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, có địa chỉ tại huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện N đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên lấy lời khai của anh T theo quy định tại Điều 97 và Điều 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T gồm: Các thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị L và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vào năm 2023 anh T vi phạm pháp luật hình sự về tội phạm ma túy, đến năm 2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên án tử hình, theo biên bản xác minh ngày 31/3/2025 tại chính quyền địa phương thì hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc. Anh T mặc dù còn tình cảm với chị L nhưng không thể quan tâm, chăm sóc chị L và các con, do đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị L, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị L và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Vàng Lam Ng, sinh ngày 10/01/2018 và Vàng Huyền A, sinh ngày 12/11/2020, kể từ khi anh T bị bắt tạm giam vào tháng 01/2023, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, cháu Vàng Lam Ng đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị L có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, ngoài ra chị còn đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cả 02 con chung. Mặt khác, anh T hiện đang bị tạm giam không đủ điều kiện để nuôi con và anh T cũng có ý kiến nhất trí với nguyện vọng của chị L và nguyện vọng của cháu Vàng Lam Ng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Sùng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Sùng Thị L được ly hôn với bị đơn anh Vàng A T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Vàng Lam Ng, sinh ngày 10/01/2018 và Vàng Huyền A, sinh ngày 12/11/2020 cho chị Sùng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Sùng Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001807 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng TT, KT & THA TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sao